

CON NGƯỜI VỚI VĂN HÓA VÀ KỸ THUẬT

S.LOSAKOVA – N. KRYLOVA

TỪ ngày 22 - 24 tháng hai năm 1988 ở Moskva đã diễn ra hội nghị toàn Liên bang “Những vấn đề nghiên cứu phức hợp về con người: do Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô và Liên hiệp các hội khoa học và kỹ sư Liên Xô tổ chức. Tham gia hội nghị có hơn 800 chuyên gia - các nhà triết học, tâm lý học, xã hội học, kinh tế học, sử học, sư phạm, y tế, sinh vật. Trong số những người tham gia hội nghị có cả các nhà văn, các nhà hoạt động văn hóa và nghệ thuật, các cán bộ Đảng và Nhà nước, các đại biểu của các phương tiện thông tin đại chúng.

Chủ đề của hội nghị 1988 dường như đã được liên kết bằng các câu hỏi : “Nhân danh các gì cần phải có nghiên cứu phức hợp con người? Liệu có thể có một khoa học thống nhất về con người hay không ?”.

Dưới đây, chúng tôi giới thiệu cuộc tranh luận tại một trong các tiểu ban trung tâm của hội nghị - “Con người, văn hóa, kỹ thuật”.

*

* *

Trong những thời đại lịch sử khác nhau, những “bộ phận” này khác của văn hóa đã được đưa lên tuyến trước; còn ngày nay, trong điều kiện của cách mạng khoa học kỹ thuật - khoa học ngày càng quyết định nhiều hơn sự phát triển của văn hóa. Tác động qua lại của nó với các lĩnh vực còn lại của văn hóa là một vấn đề phức tạp. Các ý định tư duy vấn đề đó dưới góc độ đời sống con người đã hợp thành nội dung của các báo cáo và tham luận tại tiểu ban. Trong khung cảnh đó đã diễn ra cuộc tranh luận về khả năng xây dựng môn khoa học thống nhất về con người.

Có nhiều nhà khoa học nghiêng về phía nhìn nhận con người như là đối tượng của một khoa học thống nhất. Tuy nhiên thực tế là, như nhận xét tại tiểu ban, chúng ta tạm thời mới chỉ có một bức tranh phác thảo các nghiên cứu con người trong khuôn khổ các khoa học cụ thể, và bức tranh này còn xa mãi trọn vẹn. V.Lektorski nhấn mạnh : Khi khoa học quan tâm trực tiếp đến con người, thì nó động chạm đến đối tượng hoàn toàn không giống với đối tượng truyền thống : con người là “đối tượng” có ý thức, và điều này có nghĩa rằng không thể nào cư xử với con người như với các đối tượng nghiên cứu khoa học khác. Cần phải có một hệ chuẩn mực mới định ra những giới hạn cho việc áp dụng các phương pháp khoa học vào việc nghiên cứu con người. Còn khả năng xây dựng một khoa học thống nhất về con người thì trên bước đường của nó có những sự phức tạp về nhận thức luận và phương pháp luận mà việc giải quyết chúng, theo lời báo cáo viên, cần phải viện tới triết học.

Luận đề về tính hạn chế của khoa học áp dụng vào việc nghiên cứu đối tượng “con người” đã được Viện sĩ thông tấn Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô V. Stepin ủng hộ. Nếu chỉ nhờ vào khoa học, ông nhấn mạnh, chúng ta không thể giải quyết vấn đề đó. Sự phát triển tổng thể *văn hóa* đóng vai trò chủ đạo ở đây.

Sự tiếp cận của khoa học đến hệ vấn đề con người đang đặt ra trước kiến thức cụ thể một loạt những vấn đề một có liên quan tới tính đặc thù của bản thân hiện tượng con người, với việc con người là do tượng đặc biệt có khả năng tập tính⁽¹⁾. Trong khung cảnh có, các nghiên cứu con người luôn luôn được chuẩn bị bằng sự phân tích Ý nghĩa, là cái có liên quan với một số các thủ tục nhân đạo đặc thù với sự lĩnh hội nói riêng. Về điểm này

¹ Từ gốc Hy Lạp: Ethoslogy – một trong những hướng nghiên cứu cách ứng xử của động vật chủ yếu cấu thành và sự tiến hóa được bảo đảm bằng di truyền.

đã được nói tới trong báo cáo của V. Ivanov, người đã tiến hành áp dụng cách tiếp cận ký hiệu học thần kinh⁽²⁾ vào việc nghiên cứu các hệ thống ký hiệu trong các dạng nghệ thuật khác nhau: Ông nhận xét rằng trong hệ thống thần kinh trung ương của người có tồn tại sự phân công chức năng của một số hệ thống một trong số đó tiến hành phân tích là tổng hợp các ký hiệu và trình tự thông tin được tiếp nhận.

V. Megiuev nêu lên vấn đề trung tâm, theo quan điểm của ông : liệu một khoa học thống nhất vì con người nó phù hợp với cách tổ chức đời sống xã hội đang giả định (chứ không phải bác bỏ) sự tồn tại của nhân cách độc đáo và không lặp lại không ? Các lập luận của tác giả không đi từ sự phân tích chức năng văn hoá của khoa học để tiến tới làm sáng tỏ tính đặc thù nhận thức của nó mà là từ sự phân tích có tính chất nhận thức luận về khoa học tiến tới giải thích vai trò xã hội và văn hóa đặc biệt của nó. Con người, V.Megiuev nhấn mạnh, trước hết là đối tượng của sự nhận thức triết học. Xét từ quan điểm triết học thì vấn đề chủ yếu trên bước đường tạo ra một khoa học phức hợp nhất về con người là ở chỗ khó vạch ra được các ranh giới cho đối tượng của môn khoa học này. Báo cáo viên đã nói lên những e ngại xác đáng về cái khả năng “đánh mất” chính con người trên bước đường nghiên cứu phức hợp về con người. Bởi lẽ con người là một thực thể tự kiến tạo, tự phát triển, tự giả định là do vậy là một thực thể chưa hoàn chỉnh, tức là một đối tượng xét về bản chất của nó là mờ và vô tận. Vậy liệu khoa học chỉ với cái sức mạnh của mình có xoay sở nổi với đối tượng như vậy hay không ? Có lẽ hơn cả là không.

~~Tình trạng không~~ có các ranh giới thực nghiệm trong sự phát triển của con người là khó khăn bản của việc nghiên cứu khoa học về đối tượng này (con người - một thực thể chưa kinh qua hết toàn bộ tiểu sử của mình, nó mang tính lịch sử có một bản chất tuyệt đối siêu hình nào đó, cần được nghiên cứu). Trong các ý định xây dựng môn khoa học về con người, vai trò chủ đạo phải thuộc triết học. Chính nhà triết học phải trả lời câu hỏi về việc con người được gia nhập vào trong thế giới như thế nào. Trong báo cáo V. Megiuev có nhận xét rằng con người không đơn giản là một bộ phận của thế giới mà là một bộ phận đặc thù của nó, và mối tương quan giữa bộ phận và toàn thể áp dụng vào con người có dạng đặc biệt : con người là một bộ phận ngang bằng với toàn thể. Con người gắn bó với thế giới bằng thực tiễn, do vậy nó ngang bằng với chính cái mà bản thân nó làm ra từ chính mình trong khi không có khả năng vượt ra khỏi khuôn khổ của sự tự giả định. Nếu như con người tự làm bản thân mình thành cái “đỉnh ốc” thì khoa học về con người sẽ là khoa học về cái “đỉnh ốc”. Do khoa học suy cho cùng cho có thể ghi nhận kết quả của sự tự phát triển có tính chất người, cho nên ở đây có tính hạn chế về nguyên tắc của nó. Nếu khác đi thì có quan hệ với đối tượng tưởng tượng.

Để kết luận, V Megiuev nêu lên giả định rằng bản thân nhu cầu có khoa học về con người này sinh từ sự hài lòng lớn lao của chúng ta đối với chính bản thân mình. Mọi kiến thức về con người đều là kiến thức phê phán đối với tình trạng hiện có của chúng ta – và đó là trường hoạt động rộng lớn cho các nhà triết học

Tại tiểu ban đã thảo luận vấn đề đời sống con người trong văn hóa. Báo cáo trọng tâm là của V. Bibler, về thực chất đã trình bày cách tiếp cận văn hóa học đối với vấn đề. Con người, theo báo cáo viên, là chủ thể của văn hóa và sống trong hình thái văn hóa coi như là toàn thể hoạt động của con người. Nó là một cá nhân độc nhất nhưng đồng thời lại có đặc trưng phổ biến. Không thể thiếu được con người bên ngoài những tính quy định, mặc dù có thể gọi tên nó. Vấn đề nảy sinh ra ở đây là sự cần thiết phải hiểu cá thể như cái phổ biến. Triết học là hình thức hiểu con người như một thực thể tự quy định, điều đó có nghĩa là nghiên cứu về con người được khép vào trong lĩnh vực triết học văn hóa.

Văn hóa, V. Bibler nhận xét, là cơ sở phổ biến của hoạt động mà trong đó toàn bộ thế giới, toàn bộ đời sống con người chính là những hình thức tự biến đổi của nó. Triết học, nghệ thuật, khoa học, đạo đức, tôn giáo, vv... chính là sự cụ thể hóa những hình thức đó, tất cả chúng tập trung vào điểm tự quy định trực tiếp cách xử sự có tính người và cuộc đời con người.

² Từ gốc Hy Lạp: Sêmiotike – học thuyết về các ký hiệu, tên gọi chung của phức hợp các lý luận khoa học nghiên cứu các tính chất khác nhau của các hệ thống ký hiệu

Văn hóa cho phép con người giao tiếp với người khác thông qua tác phẩm “văn bản”. Một mặt, văn bản dường như là hình thức “bị đông lạnh” của giao tiếp, nhưng mặt khác trong văn bản người sáng tạo khách thể hồi tính không lác lại của mình, để lại sau mình hình chiếu thực sự của tinh thần, cho phép người ta giao tiếp với nhau xuyên qua thời gian.

Về mối quan hệ qua lại giữa khoa học và triết học áp dụng vào nghiên cứu con người đã được E. Mantrur nói tới trong tham luận của mình. Nhiệm vụ triết học, theo ý kiến bà là ở chỗ làm sáng tỏ các khuôn mẫu đã được hình thành trong ý thức xã hội. Chẳng hạn như tính tập trung về mặt giá trị của khoa học xác định đến mức độ nào. Sự liên kết của khoa học với các giá trị con người (đạo đức, xã hội) là công việc không đơn giản. Tuy nhiên sẽ là sai lầm nếu trên cơ sở này lại cho rằng khoa học trùng lặp về mặt giá trị.

Những suy tư về con người và văn hóa tại cuộc họp tiểu ban đã diễn ra theo một số hướng. Chẳng hạn, trong khuôn khổ của một trong số đó thỏa thuận vấn đề quan hệ qua lại giữa con người và văn hóa từ quan điểm triết học. Có nhận xét rằng ngay từ khi khởi đầu thế kỷ của chúng ta đã diễn ra quá trình hủy hoại các khuôn mẫu truyền thống của tính quy định về mặt xã hội. Thúc đẩy điều này là chiến tranh thế giới, các cuộc cách mạng, sự xuất hiện các hệ thống cưỡng chế đồ sộ. Cuộc sống dường như đã “đứt” con người ra khỏi những điều kiện tồn tại quen thuộc, ném vào các chiến hào, các hầm giam của các trại tập trung, vào đám đông những người tị nạn và lưu vong. Kết quả là những khuôn mẫu chặt chẽ trực tiếp của quy định bị giữ bỏ từ bên ngoài. Đã phát hiện ra rằng bản thân con người, tự bên trong mình, phải xây dựng lại hệ thống các mối liên hệ người của mình – tình bạn, tình yêu v.v... chỉ nhờ vào đó mới có thể sống được. Như vậy con người rơi vào tình huống hai mặt: một mặt, nó đối diện với sự tự do lựa chọn, tự giả định, song mặt khác, rơi vào tình trạng cô độc hiện sinh.

Trên bình diện triết học – văn hóa, tình hình cũng hết sức không bình thường. Nhờ các phương tiện truyền thống đại chúng, thế giới hiện đại hết sức năng động và uyển chuyển về mặt văn hóa. Những dàn cảnh văn hóa, giá trị hết sức khác nhau – phương Tây và phương Đông, châu Âu, châu Phi, và châu Mỹ latin, cổ đại và trung cổ, v.v.. đang xâm nhập lẫn nhau không thu xếp được trong mô hình quen thuộc của Hêghen về sự “lọc bỏ”. Chúng đồng thời cùng tồn tại, tác động qua lại với nhau, trong chúng xen kẽ những quy định phổ biến của thế giới khả dĩ vô tận. Con người hóa ra đứng giữa những cái đó vì không một cái nào trong những dàn cảnh ấy ví dụ như của đạo đức cổ đại, triết học cổ đại, tư duy cổ đại (cũng như trung cổ, phương Tây, phương Đông) lại tỏ ra ưu việt hơn. Tất cả chúng tồn tại trong một cuộc đối thoại giao tiếp phức tạp (V. Ivanov, V. Biblek).

Trong nửa thế kỷ 20 diễn ra bước chuyển mới – cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật. Ý nghĩa văn hóa của cách mạng khoa học – kỹ thuật là gì? Trước hết, chủ thể hoạt động thay đổi và do đó đưa đến sự xuất hiện các hình thức giao tiếp mới. Con người “vượt ra” khỏi sản xuất, hoạt động của con người trở nên có phương hướng tự nó. Điều cuối cùng làm thay đổi ý thức, tư duy của cá nhân. Hơn thế, chính trong phẩm chất mới này của mình mà cá nhân có được ý nghĩa phổ biến hình thành nên một dạng tính xã hội hoàn toàn khác: cái trở nên quyết định trong đó là giá trị của thời gian rồi điều kiện mà nhờ nó con người có thể nhìn nhận bản thân mình. Từ trong lòng sản xuất hình thành nên mọi hình thái văn hóa hoàn toàn mới – hình thái tự quy định. Chính theo ý nghĩa này mà thế kỷ 20 ở một mức độ đáng kể là thế kỷ của sự xung đột gay gắt giữa hai lực lượng – sự quy định từ bên ngoài và tự quy định của con người.

Tất cả những quá trình này có liên quan đến áp lực của tiềm năng hùng mạnh của các kiểu thúc phát minh và sáng chế khoa học – kỹ thuật, những cái được đưa vào thế giới đối tượng của chúng ta lên văn hóa và đặt ra một loạt những vấn đề triết học tâm lý học và văn hóa học mới.

Gần như là trong tầm mắt chúng ta V. Stepin nhận xét, đang diễn ra định hướng lại của cái để hoạt động khoa học, điều này nhất định in dấu ấn của mình lên văn hóa. Nếu như trước kia chúng ta đã giả định rằng các khoa học cơ bản chỉ có quan hệ với sự phân loại các đối tượng, thì bây giờ chúng ta bắt đầu quan hệ với các đối tượng được xây dựng theo nguyên tắc các hệ thống đang phát triển và độc đáo về mặt chủng loại. Theo nghĩa đó thì lịch sử loài người đối với chúng ta là “một kiểu loại độc nhất”. Chính điều này tạo nên cơ sở phương pháp luận cho sự tác động qua lại giữa các khoa học tự nhiên và nhân văn. Chẳng hạn như việc nghiên cứu các đối tượng độc đáo trong khoa học tự nhiên, giả định việc xây dựng các kịch bản về hành vi khả dĩ của chúng, xác

định các điểm kỳ dị, khi mà hệ thống không ổn định và một sự biến động nhỏ nhất cũng có thể đưa đến những hậu quả nghiêm trọng. Ở đây xuất hiện các vấn đề lựa chọn các định hướng nhất định trong sự phát triển của hệ thống. Tất cả điều này, V. Stepin nhận xét, rất giống với các quá trình mà chúng ta có quan hệ tới trong việc nhận thức xã hội – lịch sử.

Tiếp tục tưởng về tính thống nhất và không gian chia cắt được của kiến thức nhân văn, kỹ thuật, khoa học tự nhiên... Viện sĩ thông tấn Viện Hàn lâm y học Liên Xô V. Dintrenkô đã nhấn mạnh rằng không thể nào địa phương hóa văn hóa như một cái gì đó trọn vẹn về không gian. Văn hóa luôn luôn ở “chỗ giáp ranh” còn chúng ta lại phân chia văn hóa và khoa học quá nhiều và quá thường xuyên. Lúc sinh thời D. Phlorenski đã đưa ra định nghĩa về văn hóa như là môi trường làm “mọc lên và nuôi dưỡng nhân cách”. Chính là ông muốn nói đến nhân cách chứ không phải nói đến nhà khoa học cụ thể hay người kỹ sư. Khi Phlorenkô nói rằng không có bước đi trực tiếp từ đồ vật tới ý tưởng cũng như từ ý tưởng tới đồ vật thì đã có một thời loài người sản xuất các đồ vật chứa đựng trong mình các ý tưởng – biểu tượng. Còn bây giờ chúng ta đang sản xuất những đồ vật không chứa đựng các ý tưởng (thí dụ tiêu biểu là hoạt động có đối tượng trong các điều kiện của sản xuất tự động hóa). Từ đây có lẽ sẽ xuất hiện sự gay gắt của vấn đề văn hóa nhân văn trong thế giới có nguồn gốc kỹ thuật. Đối với câu hỏi rằng ông hiểu gì khái niệm văn hóa “nhân văn”, V. Dintrenkô đã trả lời: đó là văn hóa mà người ta dùng kích thích con người để đo tất cả những thành tựu của khoa học và kỹ thuật.

Điều mà ngày hôm nay chúng ta gọi là nền văn minh có nguồn gốc tâm lý, những người phát biểu nhận xét, chỉ là sự thể hiện bề ngoài của một biểu tượng căn bản hơn – hình thái văn hóa hoàn toàn chưa từng có mà trong đó con người bị chia cắt lẫn nhau đến cùng cực bằng chính tính chất hoạt động của mình (V. Biblek O. Dolgienkô). Và trên bình diện này sẽ là không đúng nếu vạch ra bậc thang thứ tự các mức độ về “tính phổ biến” của các cá nhân (một người dường như có nhiều tính “cá nhân” hơn, còn kẻ khác – tính “phổ biến” hơn). Chính triết học văn hóa cho phép vạch trần sự giả tạo của các sơ đồ như vậy: con người càng độc đáo và cá nhân bao nhiêu thì anh ta lại càng có tính “phổ biến” bấy nhiêu, đặc biệt là ở tụ điểm đời sống của loài người trong cá nhân ấy.

Trong báo cáo của mình E. Arab – Oglu đã xem xét luận điểm hết sức phổ biến về sự lạc hậu của văn hóa nhân văn đối với sự phát triển của khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Đang tồn tại một ảo tưởng ông nói dường như có thể khoắc cho khoa học tự nhiên và kỹ thuật “cái rọ mõm nhân văn” độc đáo. Tuy nhiên, với cách làm đó, cũng không thể cắt giảm kỹ thuật được. Rõ ràng vấn đề là ở chỗ khác – cần phải làm sao để cái mà chúng ta gọi là các kiến thức nhân văn, văn hóa nhân văn đứng trên tầm hiện đại. Con người phải trở thành chủ nhân của nền văn minh chứ không phải kẻ phá hoại nó. V. Stepin ủng hộ lập trường này: vấn đề cần phải được đặt ra một cách chặt chẽ là kiến thức nhân văn phù hợp với tinh thần hiện đại của cái mà khoa học và kỹ thuật đem cho con người hiện đại và thế giới hiện đại đến mức độ nào và liệu nó có tương ứng với các thành tựu của khoa học và kỹ thuật hay không?

Vấn đề về tình hình kiến thức nhân văn và sự phù hợp của nó với trình độ hiện đại của sự phát triển của kỹ thuật truyền đã gây ra một cuộc tranh luận sôi nổi O. Dolgienkô tách ra lĩnh vực hiện thực, nơi mà trên thực tế diễn ra sự tổng hợp tất cả các lĩnh vực kiến thức. Đó là lĩnh vực giáo dục, nơi diễn ra sự hình thành và phát triển con người. Trong khuôn khổ đó, báo cáo viên đã phân tích tình hình và các vấn đề cấp thiết của hệ thống giáo dục trong các điều kiện của cải tổ. Trong khi đánh giá cao trình độ của các tham luận lý thuyết chung tại hội nghị và tính độc đáo của nhiều ý tưởng đồng thời ông vẫn khẳng định với sự luyến tiếc về việc không có khả năng sử dụng chúng để giải quyết nhiệm vụ cải tổ hệ thống giáo dục: trong thực tế hiện thực chúng hoạt động rất yếu do tính linh hoạt kém của chúng. Còn về bản thân hệ thống giáo dục thì nếu như xem xét nó từ bên trong sẽ tạo ra ấn tượng mà có thể được mô tả như cuộc khủng hoảng của con người, nó gắn liền với khủng hoảng văn hóa, và do đó cả với khủng hoảng giáo dục. Vì theo mức độ phát triển lịch sử của cộng đồng (xã hội, con người không còn là đồng nhất với chính bản thân mình, nó biến đổi và hơn thế, một phần các phẩm chất xã hội của nó ra đi trong khi những phẩm chất mới xuất hiện. Quá trình đó có quan hệ với nỗi đau của con người khi nhận biết về những phẩm chất mới này, trong khi chúng đã được hình thành nhưng hãy còn chưa chiếm được địa vị xã hội mới của mình. Văn hóa hiện đại (và hệ thống giáo dục) dường như không nhận thấy sự xuất hiện những

phẩm chất xã hội mới trong con người. Từ đây mà có sự cách quãng giữa văn hóa và văn minh giữa hệ thống giáo dục và các nhu cầu của thực tiễn. Một trong những vấn đề cấp bách của hệ thống giáo dục của chúng ta là sự minh họa tư tưởng hệ trong các khuôn khổ của những phạm trù thao tác, những cái trực tiếp làm xích gần tư tưởng hệ với hoạt động thực tiễn.

Trong báo cáo của mình về văn hóa giảng viên trong số đó có cả về văn hóa giảng viên của quá khứ, X. Rabinôvitx cụ thể hóa vấn đề về mối quan hệ qua lại giữa tính bác học và nghề dạy học, vấn đề về sự lĩnh hội văn bản. Phân tích văn bản học (những lời của nhà truyền giáo Ioann) đã được tác giả đưa vào một chủ đề rộng lớn hơn mà ông ta đang tiến hành nghiên cứu trong những năm gần đây : “Văn hóa giảng viên thời đầu trung cổ tại châu Âu”. Báo cáo viên, nhấn mạnh rằng việc nắm được cách phát hiện chân lý là nắm được bản thân cuộc sống – “không phải đang được xây dựng mà là đang được thể hiện và vì vậy... không thể giảng dạy được”. Vấn đề được đặt ra như vậy có tính cấp bách không chỉ đối với thời trung cổ mà còn trong cả thời đại của chúng ta khi chúng ta đang nói về sự thống nhất giữa lời nói và việc làm.

Đó là phạm vi các chủ đề ở nét chung nhất - đã được thảo luận tại tiểu ban. Trong quá trình thảo luận đã phát hiện ra những vấn đề gay gắt và phức tạp nhất là mối quan hệ qua lại của văn hóa hiện đại và nền văn minh có nguồn gốc kỹ thuật, những sự thay đổi các giá trị văn hóa và tinh thần trong quá trình phát sinh và phát triển của kỹ thuật.

PHẠM BÍCH SAN

Nguồn: Obsilestvennyie nauki

Akademija Nauk SSSB. Moskva,

t. 95 - 102